TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-PT
Ngày: 28 - 02 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải.
Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ;
Bà Trần Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT- DS ngày 16 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2023/QĐ-PT ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 216, tổ 09, ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G.

1.2. Bà Lê Thị Kim E, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số 216, tổ 09, ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

1.3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1945; nơi cư trú: Tổ 11, ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

1.4. Bà Ngô Thị Các P, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 290, ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

1.5. Bà Trần Thị Diễm T (D), sinh năm 1980; địa chỉ: Số 88, tổ 7, ấp Đ C, M H, C M, A G; chỗ ở hiện nay: Số 313, tổ 12, ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

1.6. Bà Phạm Thị H (H), sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 297, tổ 11, ấp L Quới 2, xã L Đ B, huyện C M, tỉnh A G ;

1.7. Bà Phan Thị Mộng T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 01, ấp L Đ, xã L Đi B, huyện C M, tỉnh A G;

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Lê Phước H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp T T, xã T M, huyện C M, tỉnh A G;

1.8. Ông Huỳnh Tấn V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 214, tổ 9, ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thu C, sinh năm 1953; nơi cư trú: Ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Thu C: Luật sư Bùi Quốc Nam, Chi nhánh Công ty luật TNHH MTV A-T, thuộc Đoàn Luật sư Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

3.2. Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp L Đ, xã L Đ A, huyện C M, tỉnh A G;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án ông Lê Phước H đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, trình bày:

- Năm 2019 bà Huỳnh Thị T có tham gia một dây hụi 2.000.000 đồng do bà Lê Thị Thu C làm chủ. Hụi mở ngày 10/7/2019 âl, hụi có tổng cộng 23 hụi viên. Hụi khui đến lần thứ 19 thì ngưng không chơi nữa. Bà T có gặp bà C để đòi lại số tiền thì bà thì bà C hẹn và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay yêu cầu bà C, bà T trả lại cho bà T tiền hụi 38.000.000 đồng.

- Năm 2019 bà Ngô Thị Các P có tham gia một dây hụi 2.000.000 đồng do bà Lê Thị Thu C làm chủ. Hụi mở ngày 18/6/2019 âl, hụi có tổng cộng 22 hụi viên. Hụi khui đến lần thứ 20 thì ngưng không chơi nữa. Bà P có gặp bà C để đòi lại số tiền thì bà thì bà C hẹn và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay yêu cầu bà C, bà T trả lại cho bà P tiền hụi 40.000.000 đồng.

- Năm 2019 bà Trần Thị Diễm T có tham gia một dây hụi 2.000.000 đồng do bà Lê Thị Thu C làm chủ, bà T tham gia 02 chân, hụi mở ngày 15/6/2019 âl, hụi có tổng cộng 26 hụi viên. Hụi khui đến lần thứ 20 thì ngưng không chơi nữa. Bà T có gặp bà C để đòi lại số tiền thì bà thì bà C hẹn và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay yêu cầu bà C, bà T trả lại cho bà T tiền hụi 40.000.000 đồng.

- Năm 2019 bà Phạm Thị H có tham gia một dây hụi 500.000 đồng do bà Lê Thị Thu C đứng tên làm chủ, hụi nữa tháng khui một lần, bà H tham gia 01 chân, hụi mở ngày 15/12/2019 âl, hụi có tổng cộng 31 hụi viên. Hụi khui đến lần thứ 28 thì ngưng không chơi nữa. Bà H có gặp bà C để đòi lại số tiền thì bà thì bà C hẹn và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay yêu cầu bà C, bà T trả lại cho bà H tiền hụi 14.000.000 đồng.

- Năm 2019, 2020 bà Nguyễn Thị D có tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng do bà Lê Thị Thu C đứng tên làm chủ cụ thể:

+ Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 20/7/2019âl, bà D tham gia 02 chân hui gồm có 24 hụi viên. Bà D chầu được 19 lần thì bà C tuyên bố bể hụi không chơi nữa. Dây hụi này là D chầu được 38.000.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 25/5/2020âl, bà D tham gia 02 chân hui gồm có 25 hụi viên. Bà Dự chầu được 08 lần thì bà Cúc tuyên bố bể hụi không chơi nữa. Dây hụi này là D chầu được 16.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi này bà D chầu được 54.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà C, bà T trả cho bà D 54.000.000 đồng.

- Năm 2019, 2020 bà Lê Thị Kim E có tham gia 01 dây hụi 1.000.000 đồng và 02 dây hụi 2.000.000 đồng do bà Lê Thị Thu C làm chủ cụ thể như sau:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10/7/2019âl, bà Kim E tham gia 01 chân, hụi gồm có 23 hụi viên. Bà Kim E chầu được 19 lần thì bà C tuyên bố bể hụi không chơi nữa. Dây hụi này là Kim E chầu được 38.000.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 25/5/2020âl, bà D tham gia 02 chân hui gồm có 25 hụi viên. Bà Kim E chầu được 09lần thì bà C tuyên bố bể hụi không chơi nữa. Dây hụi này là Kim E chầu được 9.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 06/9/2019âl, bà Kim E tham gia 01 chân, hụi gồm có 23 hụi viên. Bà Kim E chầu được 05 lần thì bà C tuyên bố bể hụi không chơi nữa. Dây hụi này là Kim E chầu được 10.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi này bà Kim E chầu được 57.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà C, bà T trả cho bà Kim E 57.000.000 đồng.

- Năm 2019 bà Phan Thị Mông T có tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng do bà Lê Thị Thu C đứng tên làm chủ cụ thể:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 18/6/2019âl, bà T tham gia 02 chân, dây hụi gồm có 22 hụi viên. Bà T chầu được 23 lần thì bà C tuyên bố bể hụi không chơi nữa. Dây hụi này là T chầu được 92.000.000 đồng.

+ Dây hụi 500.000 đồng mở ngày 15/12/2019âl, hụi nữa tháng khui một lần, bà T tham gia 02 chân, hụi gồm có 31 hụi viên. Bà T chầu được 02 lần thì bà C tuyên bố bể hụi không chơi nữa. Dây hụi này là T chầu được 2.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi này bà T chầu được 94.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà C, bà T trả cho bà T 94.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Tấn V trình bày: Năm 2019 ông có tham gia một chân hụi 2.000.000 đồng do bà Lê Thị Thu C làm chủ, hụi gồm có 23 hụi viên. Hụi khu đến lần thứ 19 thì ngưng không khui nữa, ông chầu được số tiền 38.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà Lê Thị Thu C, bà Nguyễn Thị T liên đới trả nợ cho ông.

Bị đơn bà Lê Thị Thu C trình bày: Trước đây bà có làm chủ hụi cho nhiều người cùng gia. Nhưng khoảng 10 năm nay do tuổi đã cao nên bà không có làm chủ hụi nữa mà do con bà Nguyễn Thị T tham gia chơi hụi với các nguyên đơn. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà trả số nợ trên bà không đồng ý vì bà không có làm chủ hụi cho các nguyên đơn tham gia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào khoảng năm 2019 – 2020 bà có làm chủ nhiều dây hụi và có cho nhiều người cùng

tham gia trong đó có 08 nguyên đơn đang khởi kiện. Việc chơi hụi do bà làm chủ mỗi tháng khui một lần, các nguyên đơn trong vụ án là hụi viên. Có người tham gia một dây và cũng có người tham gia nhiều dây, mỗi dây hụi từ 1.000.0000 đồng đến 2.000.0000 đồng. Bà xác định bà là người trực tiếp tham gia chơi hụi với các hụi viên và hiện nay tôi còn nợ số tiền hụi đúng như các nguyên đơn khởi kiện.

Ông Huỳnh Thanh T trình bày: ông và T là vợ chồng hiện vẫn còn chung sống trong gia đình. Việc vợ tổ chức chơi hụi ông đều biết, ông thống nhất với ý kiến của vợ hiện nay còn thiếu tiền hụi như các hụi viên trình bày. Ông đồng ý cùng vợ trả số nợ trên cho các nguyên đơn. Hiện nay hòa cảnh khó khăn ông yêu cầu xin được trả dần số tiền cho các hụi viên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T, bà Lê Thị Kim E, bà Nguyễn Thị D, bà Ngô Thị Các P, bà Trần Thị Diễm T, bà Phạm Thị H, bà Phan Thị Mộng T, ông Huỳnh Tấn V.

Buộc bà Lê Thị Thu C có nghĩa vụ trả bà Huỳnh Thị T 38.000.000 đồng, bà Lê Thị Kim E 57.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D 54.000.000 đồng, bà Ngô Thị Các P 40.000.000 đồng, Trần Thị Diễm T (D) 40.000.000 đồng, Pham Thị H (H) 14.000.000 đồng, Phan Thị Mộng T 94.000.000 đồng, ông Huỳnh Tấn V 38.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Huỳnh Thị T, Lê Thị Kim E, Nguyễn Thị D, Ngô Thị Các P, Trần Thị Diễm T, Phạm Thị H, Phan Thị Mộng T, Huỳnh Tấn V, yêu cầu bà Nguyễn Thị T liên đới trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 03/10/2022, bị đơn bà Lê Thị Thu C kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C cho rằng từ xét xử cấp sơ thẩm bà C đã không thừa nhận việc làm chủ hụi và các nguyên đơn cũng cho rằng khi giao danh sách chơi hụi là do bà T con bà C giao và các nguyên đơn cũng chỉ góp hụi cho bà C vài lần, nên không có cơ sở buộc bà C trả tiền hụi; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí sơ thẩm cho bà C; bà C trình bày bổ sung bà không đồng ý trả số nợ trên vì bà không làm chủ hụi khoảng 10 năm nay.

Bà T cùng chồng là ông T không có đơn kháng cáo nhưng có ý kiến thừa nhận hụi của bà và xin trả số nợ trên.

Đại diện nguyên đơn, cùng bà T, ông V yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc bà C trả lại tiền hụi cho các nguyên đơn nói trên; bà T và ông T xin trả nợ nhưng ông bà là người không có tài sản nên không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Lê Thị Thu C là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm về án phí do bị đơn có đơn xin miễn án phí; các quyết định phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm số 129/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đề nghị giữ nguyên; bởi lẽ các danh sách chơi hụi đều mang tên bà C, bà C kháng cáo nhưng bà không có chứng cứ gì mới chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Thu Cúc làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Thu C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các ông, bà: Huỳnh Thị T, Lê Thị Kim E, Nguyễn Thị D, Ngô Thị Các P, Trần Thị Diễm T, Phạm Thị H, Phan Thị Mộng T và Huỳnh Tấn V có tham gia nhiều dây hụi do bà Lê Thị Thu C làm chủ, các hụi viên đa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi theo định kỳ khui hụi cho bà C. Do bà C tuyên bố vỡ hụi nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C liên đới cùng bà T trả tiền hụi cho Huỳnh Thị T 38.000.000 đồng, Lê Thị Kim E 57.000.000 đồng, Nguyễn Thị D 54.000.000 đồng, Ngô Thị Các P 40.000.000 đồng, Trần Thị Diễm T 40.000.000 đồng, Phạm Thị H 14.000.000 đồng, Phan Thị Mộng T 94.000.000 đồng và Huỳnh Tấn V 38.000.000 đồng.

[2.1] Bà C không đồng ý trả số tiền hụi trên theo yêu cầu của các nguyên đơn, bà cho rằng bà không có làm chủ hụi, việc chơi hụi là do bà T con bà tham gia chơi với các nguyên đơn. Bà T lại xác định số tiền nợ hụi trên là của bà làm chủ và xin trả dần.

[2.2] Xét thấy, việc chơi hụi có lãi là sự tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện bằng các giấy hụi, danh sách hụi của các chủ thể; tập quán lâu nay trong nhân dân, nhằm mục đích tương trợ nhau, góp vốn tạo điều kiện có việc làm ổn định trong

cuộc sống. Tại cấp sơ thẩm bà C cho rằng trước đây bà có làm chủ hụi, nhưng sau này bà đã nghỉ không còn chơi nữa, nên con bà lấy danh sách hụi bà chơi trước đây để tiếp tục chơi hụi với các hụi viên, nên bà không đồng ý yêu cầu trả nợ của nguyên đơn.

[2.3] Cấp sơ thẩm nhận định, bà C cho rằng con bà lấy danh sách hụi do bà làm chủ trước đây để tiếp tục tham gia giao dịch với các hụi viên, bà không biết là không có cơ sở. Bởi lẽ, tại biên bản đối chất lời khai các hụi viên cho rằng những lần khui hụi đều có bà C chứng kiến và bà còn nhận tiền góp hụi của các hụi viên; việc bà C cho rằng không còn tham gia chơi hụi khoảng 10 năm nay, nhưng trong các dây hụi từ năm 2019, 2020 của các hụi viên cung cấp, trong từng danh sách hụi còn ghi đều ghi tên chủ hụi Lê Thị Thu C, hay chủ Tư C và còn ghi rất cụ thể "có làm chủ một phần hụi...", ngoài ra bà còn tham gia chơi hụi với tư cách là hụi viên. Mặc khác, các nguyên đơn còn khai ngoài tham gia chơi hụi do bà C làm chủ, các nguyên đơn còn tham gia chơi hụi do bà T làm chủ và có cung cấp giấy hụi riêng tên chủ hụi "Nguyễn Thị T". Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc bà Lê Thị Thu C trả cho bà Huỳnh Thị T 38.000.000 đồng, bà Lê Thị Kim E 57.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D 54.000.000 đồng, bà Ngô Thị Các P 40.000.000 đồng, bà Trần Thị Diễm T 40.000.000 đồng, bà Phạm Thị H 14.000.000 đồng, bà Phan Thị Mộng T 94.000.000 đồng và ông Huỳnh Tấn V 38.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét lời trình bày của bà C không đồng nhất; tại đơn kháng cáo bà cho rằng khoảng 10 năm nay T con gái bà là người giao dịch kêu hụi (chủ hụi) nhận tiền hụi và giao tiền hụi cho người hốt hụi; bà hoàn toàn không có giao dịch với ai và cũng không nhận tiền hụi từ các hụi viên và các nguyên đơn (BL 160); nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà C lại thừa nhận thỉnh thoảng bà có tham gia chơi hụi (BL 137); tại biên bản đối chất bà C thừa nhận bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ (BL 80) tại biên bản này bà C còn thừa nhận bà có nhận tiền góp hụi của ông Huỳnh Tấn V, bà Trần Thị Diễm T và thỉnh thoảng có nhận tiền góp hụi của các hụi viên khác đến góp hụi cho T con bà (BL 81 và BL 136). Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022 bà T thừa nhận trước nay bà cũng có mở dây hụi riêng để tên bà làm chủ hụi (BL 45).

[3.1] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu xem xét miễn án phí sơ thẩm cho bà C, vì bà có đơn xin miên là có cơ sở nên chấp nhận; đối với yêu cầu loại trừ trách nhiệm của bà C là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Bà Lê Thị Thu C kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà không có cung cấp được chứng cứ gì mới, chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C. Do đó, cần chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, do bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư.

- Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc bà C phải chịu 18.750.000 đồng; nhưng bà kháng cáo và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà thuộc trường hợp người cao tuổi, nên được miễn án phí.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thu C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 129/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang về phần án phí.

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T, bà Lê Thị Kim E, bà Nguyễn Thị D, bà Ngô Thị Các P, bà Trần Thị Diễm T, bà Phạm Thị H,bà Phan Thị Mộng T, ông Huỳnh Tấn V.

Buộc bà Lê Thị Thu C có nghĩa vụ trả bà Huỳnh Thị T 38.000.000 đồng, bà Lê Thị Kim E 57.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D 54.000.000 đồng, bà Ngô Thị Các P 40.000.000 đồng, Trần Thị Diễm T (D) 40.000.000 đồng, Pham Thị H (H) 14.000.000 đồng, Phan Thị Mộng T 94.000.000 đồng, ông Huỳnh Tấn V 38.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Huỳnh Thị T, Lê Thị Kim E, Nguyễn Thị D, Ngô Thị Các P, Trần Thị Diễm T, Phạm Thị H, Phan Thị Mộng T, Huỳnh Tấn V, yêu cầu bà Nguyễn Thị T liên đới trả nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*Về án phí sơ thẩm: Bà Cúc được miễn.

- Bà Huỳnh Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000 *(chín trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0009724 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2021.

- Bà Phan Thị Mộng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.350.000 *(Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0009730 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2021.

- Bà Trần Thị Diễm T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 *(Một triệu)* đồng theo biên lai thu số 0009729 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2021.

- Bà Ngô Thị Các P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 *(Một triệu)* đồng theo biên lai thu số 0009726 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2021.

- Ông Huỳnh Tấn V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000 *(Chín trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0009725 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2021.

- Bà Lê Thị Kim E được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.425.000 *(Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0009723 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2021.

- Bà Phạm Thị H (H) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 350.000 *(ba trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0009728 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2021.

Riêng đối với bà Nguyễn Thị D do bà được miễn nộp tạm ứng án phí nên bà không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

* Về án phí phúc thẩm: Bà C không phải chịu.

- Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 , 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải